

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA GIẢNG VIÊN BẰNG ỨNG DỤNG “MyHNMU”

Phạm Ngọc Sơn

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đã trở thành một công cụ hữu ích cho các cơ sở giáo dục đại học. ICT giúp quá trình quản lý, đào tạo của các trường đại học trở nên thuận lợi và tiết kiệm hơn. Việc sử dụng ICT trong quản lý các hoạt động chuyên môn của giảng viên đã hỗ trợ các nhà quản lý hoàn thành tốt công việc của mình, đồng thời giúp giảng viên theo dõi, tự đánh giá kết quả bản thân. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xin giới thiệu ứng dụng di động MyHNMU được xây dựng trên nền tảng công cụ của Google, có tính năng quản lý các hoạt động chuyên môn của giảng viên, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong các hoạt động của giảng viên tại trường đại học.

Từ khóa: Giảng viên, quản lý giảng dạy, quản lý nghiên cứu khoa học, MyHNMU.

Nhận bài 11.5.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2021

Liên hệ tác giả. Phạm Ngọc Sơn; Email: pnson@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) có tác động tích cực đến lĩnh vực giáo dục, nó có tiềm năng to lớn để chuyển đổi môi trường giáo dục khi được sử dụng một cách hợp lý (Angeli, C., & Valanides, N., 2009). Các tổ chức giáo dục đại học trên toàn thế giới đã và đang áp dụng ICT nhằm nỗ lực tạo môi trường cho cả sinh viên và giảng viên tham gia vào việc học tập hợp tác và tiếp cận thông tin (Achimugu, P., Oluwagbemi, O., & Oluwaranti, A., 2010). Các cơ sở giáo dục trên toàn cầu ngày càng sử dụng ICT như một công cụ tốt để giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, tạo lập môi trường học tập sáng tạo, nghiên cứu (Usluel, Y.K., Aşkar P., & Baş, T, 2008).

Trong lĩnh vực quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học, theo (Ahmed, 2009), việc sử dụng ICT làm cho công tác quản lý và giảng dạy linh hoạt hơn, tốn ít thời gian hơn và ít tốn kém hơn, và vì vậy hầu hết các trường đại học đang cố gắng tận dụng những lợi ích của ICT. Ngoài ra, trong tuyên bố của Awolaye (2006), ICT nâng cao khả năng giao tiếp, được sử dụng như một công cụ nghiên cứu và cung cấp giải pháp cho giảng dạy và học tập.

Hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học cũng đang nỗ lực trong việc sử dụng ICT trong quản lý và đào tạo, một mặt đáp ứng yêu cầu của bộ GD&ĐT (Bộ GD&ĐT, 2021), một mặt

nâng cao chất lượng, hiệu quả, tạo sự cạnh tranh trong môi trường giáo dục. Đặc biệt, với sự phát triển mạnh mẽ của các thiết bị di động thì các ứng dụng quản lý dựa trên nền tảng công nghệ di động, hoạt động trên các thiết bị thông minh sẽ mang lại hiệu quả cao.

2. NỘI DUNG

2.1. Các hoạt động của giảng viên trong trường đại học

Trong mỗi năm học, giảng viên đồng thời thực hiện 3 nhóm công việc chính là giảng dạy; nghiên cứu khoa học (NCKH) và hoạt động khác. Các hoạt động này đều có định mức theo quy định, các công việc được quy đổi thành giờ để xét hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học.

- Các công việc được tính giờ giảng dạy:

+ Giảng dạy các học phần hệ chính quy.

+ Các hoạt động khác được quy đổi thành giờ giảng dạy: Hướng dẫn thực tập, thực hành, thực tế chuyên môn; Hướng dẫn, chấm tiểu luận, khóa luận; Cố vấn học tập; Quản lý các phòng thực hành, thí nghiệm.

- Các công việc được tính giờ NCKH

+ Thực hiện đề tài NCKH các cấp

+ Biên soạn, biên dịch tài liệu, giáo trình, sách tham khảo được xuất bản.

+ Viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành, hội thảo, seminar khoa học.

+ Tham gia hội đồng khoa học đào tạo, hội đồng Khoa.

- Các hoạt động khác và phục vụ cộng đồng:

+ Nâng cao trình độ, chuyên môn;

+ Tham gia hoạt động phong trào, đoàn thể;

+ Tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng;

+ Tham gia các hoạt động thuộc chức năng của Nhà trường.

2.2. Sử dụng ứng dụng MyHNMU trong quản lý các hoạt động chuyên môn của giảng viên

2.2.1. Giao diện trang chủ

Hệ thống hoạt động trên nền tảng internet, có khả năng sử dụng trên nhiều thiết bị khác nhau có kết nối internet (máy tính để bàn, máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại thông minh...).

Trang chủ được thiết kế tối giản, hiện đại. Được coi như là cánh cổng chào mừng, dễ dàng cho từng đối tượng khác nhau lựa chọn các phân hệ theo nhu cầu.

Giảng viên: Phân hệ có chức năng quản trị các hoạt động chuyên môn cũng như các thông tin khác của giảng viên.

MyHNMU: Là phân hệ dành cho thiết bị di động, người dùng có thể sử dụng phân hệ này cả trên thiết bị di động (cài đặt App) và giao diện máy tính. Phân hệ dành cho quản trị hệ thống, phân quyền người dùng, người quản trị hay điều chỉnh, thay đổi hệ thống, cập nhật và trích xuất dữ liệu.

2.2.2. Giao diện trang quản trị giảng viên

Bao gồm các phân hệ quản lý hoạt động của giảng viên.

Công tác giảng dạy: Thống kê các hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Công tác nghiên cứu khoa học: Thống kê các hoạt động về nghiên cứu khoa học do giảng viên đăng ký thực hiện.

Các hoạt động khác thuộc lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, phục vụ cộng đồng: Thống kê các nhiệm vụ chuyên môn (ngoài giảng dạy) được lãnh đạo đơn vị phân công. Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, phục vụ cộng đồng do giảng viên đăng ký thực hiện.

Ở các phân hệ trên, người dùng có thể truy xuất các thông tin theo từng lĩnh vực, nhóm công việc với các đối tượng khác nhau (cá nhân, tổ bộ môn, khoa ...).

2.2.3. Phân hệ “Công tác giảng dạy”

Là một phân hệ thuộc hệ thống quản trị giảng viên. Tại đây, cho phép người dùng có thể truy xuất thông tin về các nhóm công việc được quy đổi thành giờ giảng dạy. Các công việc này bao gồm: giảng dạy hệ chính quy; trưởng đoàn thực tập, thực hành, thực tế; hướng dẫn khoá luận, tiểu luận; cố vấn học tập và quản lý phòng thí nghiệm, thực hành.

Người dùng có thể truy xuất được các dữ liệu với các yêu cầu khác nhau tùy vào mục đích trên cơ sở quản lý email, đơn vị và năm học.

- Email: Nhập địa chỉ email của giảng viên để truy xuất thông tin. Email được cấp bởi Nhà trường, có định dạng `abc@daihocthudo.edu.vn`. Có thể chọn đồng thời nhiều email, phù hợp cho việc truy xuất thông tin của tổ chuyên môn.

- Năm học: trích xuất dữ liệu báo cáo theo năm học.



Ảnh 1: Trang chủ của hệ thống



Ảnh 2: Menu hệ thống quản trị giảng viên

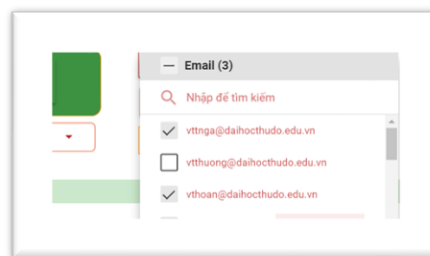
STT	Tên giảng viên	Đơn vị	Năm học	Giờ giảng
1	Nguyễn Văn A	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	10
2	Nguyễn Văn B	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	15
3	Nguyễn Văn C	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	20
4	Nguyễn Văn D	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	25
5	Nguyễn Văn E	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	30
6	Nguyễn Văn F	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	35
7	Nguyễn Văn G	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	40
8	Nguyễn Văn H	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	45
9	Nguyễn Văn I	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	50
10	Nguyễn Văn J	Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội	2020-2021	55

Ảnh 3: Phân hệ giảng dạy

- Đơn vị: trích xuất thông tin theo đơn vị, người dùng click đơn vị để tìm kiếm thông tin. Cũng có thể chọn nhiều đơn vị cùng lúc.

Để truy xuất dữ liệu của giảng viên, trong ô email, click chọn vào địa chỉ email của giảng viên đó, hệ thống sẽ cho kết quả phân công nhiệm vụ giảng dạy

Để thống kê các thành viên trong tổ bộ môn hoặc đơn vị, trong ô email, click chọn các thành viên trong tổ.



Ảnh 4: Thống kê theo tổ/nhóm

Ngoài ra, trong phân hệ giảng dạy, người dùng có thể truy xuất được các thông tin về tổng số giờ giảng dạy, số tín chỉ của học phần, tên lớp giảng dạy, số tiết thực dạy, số tiết quy đổi và có thể xuất sang file excel, sheet để lưu trữ hoặc in bản cứng.

2.2.4. Phân hệ “Công tác nghiên cứu khoa học”

Nghiên cứu khoa học là 1 trong 2 nhiệm vụ trọng tâm của mỗi giảng viên. Các hoạt động được quy đổi thành giờ NCKH bao gồm 5 nhóm công việc:

Đề tài, đề án KHCN: Bao gồm việc thực hiện các đề tài cấp Bộ/NN; đề tài cấp cơ sở; cấp TP

Bài báo khoa học: Gồm các bài viết công bố trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Bài đăng trên các hội thảo, hội nghị khoa học.

Biên soạn, biên dịch; các hoạt động KH&CN khác.

Phân hệ NCKH cho phép truy xuất các thông tin về tên đề tài nội dung khoa học, thể loại, vai trò cũng như số giờ NCKH quy đổi. Công tác NCKH được các giảng viên đăng ký triển khai từ đầu năm bao gồm việc thực hiện các công trình khoa học như: thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp cơ sở, công bố các bài báo trên tạp chí khoa học, hội thảo trong nước và quốc tế, tổ chức các seminar khoa học.

Việc triển khai các công trình NCKH được thực hiện trong suốt năm học, tùy thuộc vào tình hình thực tế giảng viên có thể điều chỉnh, thay đổi hoặc bổ sung các hoạt động nhằm đảm bảo đạt được tổng số giờ NCKH quy đổi theo quy định.

Để truy xuất thông tin các công trình NCKH, người dùng nhập thông tin vào ô email, bấm chọn *chỉ một giá trị xác định*. Sau khi nhập thông tin email, hệ thống sẽ tự động truy xuất các thông tin như họ và tên, đơn vị.

Họ và tên	Đơn vị	Số giờ quy đổi
Nguyễn Văn A	Đơn vị 1	100
Nguyễn Văn B	Đơn vị 2	200
Nguyễn Văn C	Đơn vị 3	300
Nguyễn Văn D	Đơn vị 4	400
Nguyễn Văn E	Đơn vị 5	500
Nguyễn Văn F	Đơn vị 6	600
Nguyễn Văn G	Đơn vị 7	700
Nguyễn Văn H	Đơn vị 8	800
Nguyễn Văn I	Đơn vị 9	900
Nguyễn Văn J	Đơn vị 10	1000
Nguyễn Văn K	Đơn vị 11	1100
Nguyễn Văn L	Đơn vị 12	1200
Nguyễn Văn M	Đơn vị 13	1300
Nguyễn Văn N	Đơn vị 14	1400
Nguyễn Văn O	Đơn vị 15	1500
Nguyễn Văn P	Đơn vị 16	1600
Nguyễn Văn Q	Đơn vị 17	1700
Nguyễn Văn R	Đơn vị 18	1800
Nguyễn Văn S	Đơn vị 19	1900
Nguyễn Văn T	Đơn vị 20	2000
Nguyễn Văn U	Đơn vị 21	2100
Nguyễn Văn V	Đơn vị 22	2200
Nguyễn Văn W	Đơn vị 23	2300
Nguyễn Văn X	Đơn vị 24	2400
Nguyễn Văn Y	Đơn vị 25	2500
Nguyễn Văn Z	Đơn vị 26	2600
Nguyễn Văn AA	Đơn vị 27	2700
Nguyễn Văn AB	Đơn vị 28	2800
Nguyễn Văn AC	Đơn vị 29	2900
Nguyễn Văn AD	Đơn vị 30	3000
Nguyễn Văn AE	Đơn vị 31	3100
Nguyễn Văn AF	Đơn vị 32	3200
Nguyễn Văn AG	Đơn vị 33	3300
Nguyễn Văn AH	Đơn vị 34	3400
Nguyễn Văn AI	Đơn vị 35	3500
Nguyễn Văn AJ	Đơn vị 36	3600
Nguyễn Văn AK	Đơn vị 37	3700
Nguyễn Văn AL	Đơn vị 38	3800
Nguyễn Văn AM	Đơn vị 39	3900
Nguyễn Văn AN	Đơn vị 40	4000
Nguyễn Văn AO	Đơn vị 41	4100
Nguyễn Văn AP	Đơn vị 42	4200
Nguyễn Văn AQ	Đơn vị 43	4300
Nguyễn Văn AR	Đơn vị 44	4400
Nguyễn Văn AS	Đơn vị 45	4500
Nguyễn Văn AT	Đơn vị 46	4600
Nguyễn Văn AU	Đơn vị 47	4700
Nguyễn Văn AV	Đơn vị 48	4800
Nguyễn Văn AW	Đơn vị 49	4900
Nguyễn Văn AX	Đơn vị 50	5000
Nguyễn Văn AY	Đơn vị 51	5100
Nguyễn Văn AZ	Đơn vị 52	5200
Nguyễn Văn BA	Đơn vị 53	5300
Nguyễn Văn BB	Đơn vị 54	5400
Nguyễn Văn BC	Đơn vị 55	5500
Nguyễn Văn BD	Đơn vị 56	5600
Nguyễn Văn BE	Đơn vị 57	5700
Nguyễn Văn BF	Đơn vị 58	5800
Nguyễn Văn BG	Đơn vị 59	5900
Nguyễn Văn BH	Đơn vị 60	6000
Nguyễn Văn BI	Đơn vị 61	6100
Nguyễn Văn BJ	Đơn vị 62	6200
Nguyễn Văn BK	Đơn vị 63	6300
Nguyễn Văn BL	Đơn vị 64	6400
Nguyễn Văn BM	Đơn vị 65	6500
Nguyễn Văn BN	Đơn vị 66	6600
Nguyễn Văn BO	Đơn vị 67	6700
Nguyễn Văn BP	Đơn vị 68	6800
Nguyễn Văn BQ	Đơn vị 69	6900
Nguyễn Văn BR	Đơn vị 70	7000
Nguyễn Văn BS	Đơn vị 71	7100
Nguyễn Văn BT	Đơn vị 72	7200
Nguyễn Văn BU	Đơn vị 73	7300
Nguyễn Văn BV	Đơn vị 74	7400
Nguyễn Văn BW	Đơn vị 75	7500
Nguyễn Văn BX	Đơn vị 76	7600
Nguyễn Văn BY	Đơn vị 77	7700
Nguyễn Văn BZ	Đơn vị 78	7800
Nguyễn Văn CA	Đơn vị 79	7900
Nguyễn Văn CB	Đơn vị 80	8000
Nguyễn Văn CC	Đơn vị 81	8100
Nguyễn Văn CD	Đơn vị 82	8200
Nguyễn Văn CE	Đơn vị 83	8300
Nguyễn Văn CF	Đơn vị 84	8400
Nguyễn Văn CG	Đơn vị 85	8500
Nguyễn Văn CH	Đơn vị 86	8600
Nguyễn Văn CI	Đơn vị 87	8700
Nguyễn Văn CJ	Đơn vị 88	8800
Nguyễn Văn CK	Đơn vị 89	8900
Nguyễn Văn CL	Đơn vị 90	9000
Nguyễn Văn CM	Đơn vị 91	9100
Nguyễn Văn CN	Đơn vị 92	9200
Nguyễn Văn CO	Đơn vị 93	9300
Nguyễn Văn CP	Đơn vị 94	9400
Nguyễn Văn CQ	Đơn vị 95	9500
Nguyễn Văn CR	Đơn vị 96	9600
Nguyễn Văn CS	Đơn vị 97	9700
Nguyễn Văn CT	Đơn vị 98	9800
Nguyễn Văn CU	Đơn vị 99	9900
Nguyễn Văn CV	Đơn vị 100	10000

Ảnh 5: Phân hệ công tác NCKH

Họ và tên	Tên đề tài/Nội dung KH	Thể loại	Vai trò	GIỜ NCKH
Phạm Ngọc Sơn	Xây dựng ứng dụng quản lý	Đề tài cấp cơ sở	Thành viên	250
	Nghiên cứu phát triển đội ngũ	Đề tài cấp Bộ/NN	Chủ nhiệm	200
	Thiết kế ứng dụng online quản lý các hoạt động của giảng viên Khoa sư phạm - Trường Đại học thủ đô Hà Nội	Đề tài cấp Bộ/NN	Chủ nhiệm	200
	Nghiên cứu đề xuất phương án dạy học online tại các trường GDTH CS thành phố Hà Nội	Đề tài cấp TP	Chủ nhiệm	5
Phạm Ngọc Sơn	Nghiên cứu công tác quản lý	Đề tài cấp TP	Chủ nhiệm	20

Ảnh 6. Truy xuất thông tin NCKH của cá nhân

Người dùng cũng có thể thống kê thông tin theo tổ chuyên môn hoặc nhóm nghiên cứu bằng cách click chọn các email. Trong tất cả các thông tin được truy xuất, luôn có kết quả của tổng số giờ NCKH. Việc này cho phép giảng viên có thể xác định được số giờ NCKH của mình, qua đó điều chỉnh để có thể đạt được định mức theo quy định.

Tương tự các phân hệ khác, “NCKH” cũng cho phép tải xuống dưới dạng excel hoặc bảng tính hoặc in ra bản cứng.

2.2.5. Phân hệ “Các hoạt động khác và phục vụ cộng đồng”

Bao gồm 4 nhóm công việc:

- Nhóm công việc nhằm mục đích nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học: Dự giờ; Sinh hoạt chuyên môn; Lập kế hoạch giảng dạy; Tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, seminar; Tham gia các khóa học tập, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo nhiệm vụ do đơn vị, nhà trường phân công.

- Nhóm công việc về hoạt động phong trào, đoàn thể: Tham gia các buổi học tập, tuyên truyền do đơn vị, Nhà trường, Đảng, đoàn thể tổ chức; Tham gia các chương trình, hội thi thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, tuyên truyền kiến thức do đơn vị, Nhà trường, Đảng và đoàn thể tổ chức; Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, các chương trình kỷ niệm ngày lễ lớn, ngày truyền thống do đơn vị, Nhà trường, Đảng và đoàn thể tổ chức.

Họ và tên	Tên đề tài/Nội dung KH	Thể loại	Vai trò	GIỜ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG
Phạm Ngọc Sơn	Xây dựng ứng dụng quản lý	Đề tài cấp cơ sở	Thành viên	120
	Nghiên cứu phát triển đội ngũ	Đề tài cấp Bộ/NN	Chủ nhiệm	80
	Thiết kế ứng dụng online quản lý các hoạt động của giảng viên Khoa sư phạm - Trường Đại học thủ đô Hà Nội	Đề tài cấp Bộ/NN	Chủ nhiệm	80
	Nghiên cứu đề xuất phương án dạy học online tại các trường GDTH CS thành phố Hà Nội	Đề tài cấp TP	Chủ nhiệm	5
Phạm Ngọc Sơn	Nghiên cứu công tác quản lý	Đề tài cấp TP	Chủ nhiệm	20

Ảnh 7. Phân hệ Các hoạt động khác và phục vụ cộng đồng

- Nhóm công việc nhằm mục đích phục vụ cộng đồng: Tham gia các chương trình, hoạt động mang ý nghĩa nhân đạo, chăm lo đời sống, sức khỏe, tinh thần, vật chất của cộng đồng trong và ngoài Trường do đơn vị, Nhà trường, Đảng và đoàn thể tổ chức; Tham gia các chương trình, hoạt động có ý nghĩa đang được xã hội và nhà trường quan tâm như: tiết kiệm bảo vệ tài sản công, bảo vệ môi trường, trật tự an toàn xã hội, bạo lực học đường, bảo vệ trẻ

em, vì sự tiến bộ phụ nữ,... do đơn vị, Nhà trường, Đảng và đoàn thể tổ chức; Tham gia các chương trình, hoạt động tuyển sinh, truyền thông, quảng bá về Nhà trường.

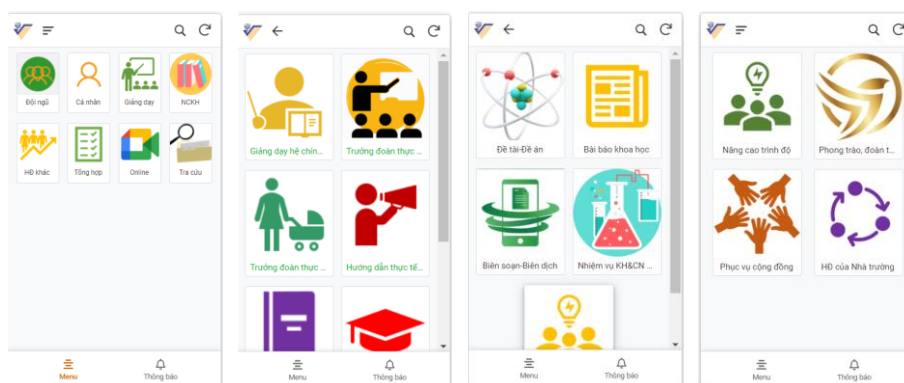
- Nhóm công việc các hoạt động theo quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường: Các hoạt động trong quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường.

- Để truy xuất thông tin của cá nhân, trong ô email, điền địa chỉ email của người cần truy xuất. Có thể giới hạn thông tin truy xuất theo năm học. Sau khi lựa chọn email, các thông tin khả sẽ tự động cập nhật như họ và tên, đơn vị, công việc chuyên môn được giao, nội dung chi tiết và số giờ chuyên môn quy đổi.

- Bên cạnh việc truy xuất thông tin cá nhân, người dùng có thể truy xuất thông tin của tổ chuyên môn hoặc nhóm người dùng, bằng cách chọn nhiều địa chỉ email.

- Phần mềm cũng cho phép tải xuống dưới định dạng excel hoặc in ra bản cứng.

2.2.6. Giao diện app mobile MyHNMU



Ảnh 8. Một số hình ảnh app MyHNMU

Ứng dụng di động MyHNMU được cung cấp trực tiếp cho người dùng qua email và được cài đặt trên các thiết bị thông minh.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu và sử dụng mô hình quản lý các hoạt động chuyên môn của giảng viên bằng các công cụ của Google: Google Drive, Google Form, Google Sites, Google Slides ... thật sự mang lại hiệu quả cao. Các ứng dụng này đáp ứng được hầu hết các nhu cầu về công tác quản lý các hoạt động chuyên môn của giảng viên ở một trường đại học, không những vậy, các công cụ của google miễn phí, dễ dàng sử dụng, an toàn dữ liệu và có tính tùy biến rất cao, đây thực sự là các công cụ hữu ích để tiến tới xây dựng một hệ thống quản lý đại học thông minh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý các hoạt động giảng dạy giúp cho việc quản lý hiệu quả, chính xác. Các thông tin công khai, minh bạch giúp giảng viên vừa theo dõi được công việc của mình, vừa biết được công việc chung của đơn vị, từ đó có thể điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp. Ứng dụng có khả năng tích hợp với các hệ thống, cơ sở dữ liệu khác (phần mềm quản lý đào tạo) và là một modul để có thể xây dựng hệ thống quản lý trường học thông minh, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tại các

trường đại học, cao đẳng. Với những gì mang lại, ứng dụng MyHNMU có thể sử dụng ở các trường đại học, cao đẳng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Achimugu, P., Oluwagbemi, O., & Oluwaranti, A. (2010). An Evaluation of the Impact of ICT Diffusion in Nigeria's Higher Educational Institutions. *Journal of information technology impact*, 10(1), 25-34.
2. Ahmed, J. (2009). Use of ICT in the private universities of Bangladesh International. *Journal of educational administration*, 1(1), 77 – 82.
3. Anuradha Verma; Anoop Singh. (2018). Webinar – Education through Digital Collaboration. *Journal of emerging technologies in web intelligence*, vol. 2, no. 2, may 2010, 131.
4. Bộ GD&ĐT. (2021). *Thông tư Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*. Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Hà Nội.
6. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng. (2004). *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai vấn đề và giải pháp*. Hà Nội: Đặng Quốc Bảo, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
7. Đinh Quang Báo. (2017). *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*. Hà Nội: NXB ĐH Sư phạm.
8. Organization for Economic Cooperation and Development (OECD). (1996). *Lifelong Learning for All*. Paris: OECD. Paris: OECD.
9. Sethy, S. (2008). Distance Education in the Age of Globalization: An Overwhelming. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 9 (3).
10. Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 117/QĐ-TTg. *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2021*.

MANAGING LECTURERS' PROFESSIONAL ACTIVITIES BY “MyHNMU” APPLICATION

Abstract: Information technology and communication (ICT) is an essential tool for higher education institutions. ICT makes the management and training process of universities more convenient and economical. The use of ICT in managing the professional activities of the lecturers has supported the managers to complete their work, and at the same time, helping the lecturers to monitor and self-assess their results. In this study, we introduce the mobile application MyHNMU built on the platform of Google tools, which has the features of managing the professional activities of lecturers, promoting administrative reform in the activities of university lecturers.

Keywords: Lecturer, teaching management, scientific research management, MyHNMU.